

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/11/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK8+GTC1 2	7:25	18+4+0	0+0+0		15+2+5	0+0+0	Chuyến 2 PPD-BK8
2		RP2+CTC1+RP3 1	7:25	0+0+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	Chuyến 1 RP2-CTC1
3		RC5+P10+P9	9:25	4+14+0	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
4		P5+P4+PPD	9:25	7+12+3	0+0+0		0+12+10	0+0+0	

HỦY chuyến do vợ của RP3 là FO, cách ly 10 người XN khi

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/11/2021	TO: PPD - BK8 - GTC1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Linh - VThắng - THU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAM QUANG NAM	PPD	24	1	10		80	KHI	Vietnamese
2	BUI THANH HAI	PPD	34	1	5		65	KHI	Vietnamese
3	PHAM ĐỨC TUÂN	PPD	22	1	4		69	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	16	1	4		78	KHI	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	29	1	7		70	KHI	Vietnamese
6	VÔ TÁ QUANG	PPD	23	1	5		72	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	17	1	6		62	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN VỊNH	PPD	19	1	5		85	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	21	1	7		65	KHI	Vietnamese
10	LÊ MINH PHỤNG	PPD	20	1	5		77	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY SƠN	PPD					80	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	25	1	8		77	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	18	1	9		60	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	30	1	10	35	77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	27	1	5		51	KHI	Vietnamese
16	HUYNH NAM LONG	PPD	33	1	12		72	KHI	Vietnamese
17	TRẦN SƠN HAI	PPD	28	1	5		74	KHI	Vietnamese
18	DO VĂN THANH	PPD	26	1	9		82	KHI	Vietnamese
19	LAI ANH TUÂN	BK8	98,01	2	18	90	100	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HOANG AN	BK8	91	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TÂM	BK8	97	1	15		82	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THAI SƠN	BK8	99,300	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	17	116	1.296	35	15	12	CHUYEN 02 PAX PPD SANG BK8
2	BK8	4	6	53	334	90	2		
3	GTC1	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	23	169	1.630	125	22		
WEIGHT KG				169	1.630	125			

GRAND TOAL: 1.924 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/11/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	TO: RC5 - P10 - P9	CREW: Linh - VThắng - THU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐỨC	RC5	94	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	RC5	92-93	2	16		63	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ CHÍ CÔNG	RC5	73	1	5	110	53	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN DUY KHANH	RC5	90-91	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG ĐIệp PHI	P10	71	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	CAO ĐÌNH THANH	P10	74	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẬU VĂN MINH	P10	72	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN HẬU	P10	67	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
9	NHÂM ĐỨC QUANG	P10	69	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU NAM	P10	66	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
11	BUI VĂN TUẤN	P10	68	1	5		65	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HUYNH	P10	64	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ XUÂN TUYẾN	P10					64	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH HÙNG	P10	63	1	9		57	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN HOÀ	P10	65	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
16	HUYNH TRUNG NGHĨA	P10	73	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN HOÀNG OANH	P10	70	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ NGUYỄN TRUNG	P10					50	KH-THAC	Vietnamese
19	DANG MINH TUAN	P9	05	1	13		64	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN TRINH QUOC VUONG	P9	06	1	11		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	4	6	48	268	110	0		
2	P10	14	12	66	960	0	14		
3	P9	2	2	24	139	0	8		
TOTAL		20	20	138	1.367	110	22		
WEIGHT KG				138	1.367	110			

GRAND TOAL: 1.615 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/11/2021	TO: P5 - P4 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Nam - N.Anh - Toan	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN VĂN SƠN	P5	07-08	2	12		71	NAM TIEN	Vietnamese
2	LÊ VĂN LANH	P5	09	1	8		54	NAM TIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HAO	P5	02-03	2	14	20	75	NAM TIEN	Vietnamese
4	TRẦN ĐÌNH KHUÔNG	P5	04	1	10		68	NAM TIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DUY	P5	06	1	10		63	NAM TIEN	Vietnamese
6	ĐỖ THANH SANG	P5	05	1	6		76	NAM TIEN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN BÌNH	P5	11-12	2	17		78	NAM TIEN	Vietnamese
8	HÀ QUỐC VIỆT	P4	18	1	4		62	KHI	Vietnamese
9	ZURBIN	P4	09	1	5		95	KHI	Russian
10	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	13	1	7	20	72	KHI	Vietnamese
11	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	20	1	3		67	KHI	Vietnamese
12	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	17	1	8		92	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH CƯ	P4	19	1	8		75	KHI	Vietnamese
14	HÀ TÂN DUNG	P4	11	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG THAI DƯƠNG	P4	14	1	5		71	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	12	1	5		71	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN THANH	P4	15	1	5		66	KHI	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	16	1	5		68	KHI	Vietnamese
19	LÊ TRUNG LAM	P4	10	1	5		68	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH NAM	PPD	10-11	2	12		68	KHI	Vietnamese
21	VU DUC HOANG	PPD	12	1	5		70	KHI	Vietnamese
22	KOSTIKIN V.N	PPD	09	1	18		130	NIFI	Russian

FLIGHT PLAN

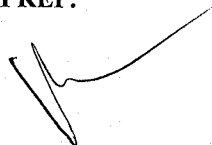
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	7	10	77	485	20	0		
2	P4	12	12	67	882	20	12		
3	PPD	3	4	35	268	0	10		
TOTAL		22	26	179	1.635	40	22		
WEIGHT KG				179	1.635	40			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

